

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2026

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 về ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026**

Thực hiện Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 về ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026. Sau khi xem xét nội dung tham mưu của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 48/TTr-SKH-CN ngày 16/3/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 về ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026, cụ thể như sau:

### I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt phương châm hành động năm 2026 của Chính phủ: **“Hành động đột phá, lan tỏa kết quả”**, làm định hướng xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

2. Cụ thể hóa đầy đủ, rõ ràng các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ và các chỉ đạo, kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (KH-CN, ĐMST, CDS và ĐA 06); làm căn cứ để các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả, không chồng chéo các nhiệm vụ, giải pháp.

3. Bảo đảm tính kế thừa và phát huy kết quả đã đạt được, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; tập trung tạo đột phá trong các ngành, lĩnh vực có tác động lan tỏa lớn; bảo đảm tính khả thi, thiết thực, tránh hình thức; các kết quả phải định lượng được, được theo dõi, giám sát minh bạch trên môi trường số.

4. Phân công, điều phối chặt chẽ trách nhiệm giữa các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn thực hiện, sản phẩm đầu ra và cơ chế theo dõi, đôn đốc, báo cáo; bảo đảm yêu cầu “06 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền.

5. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội; việc huy động, sử dụng nguồn lực phải bảo đảm đúng quy định pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW; bảo đảm KHCN, ĐMST, CDS đóng góp thiết thực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số thông qua nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị, chất lượng dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Xác định năm 2026 là năm chuyển trọng tâm từ hoàn thiện cơ chế, chính sách sang tổ chức thực hiện, giám sát, đo lường và đánh giá kết quả đầu ra, tập trung tạo chuyển biến thực chất trong phát triển KHCN, ĐMST, CDS và ĐA 06, gắn với nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, cải cách hành chính, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng.

- Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng gắn kết chặt chẽ nghiên cứu - ứng dụng - thị trường; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo theo hướng có sản phẩm, có kết quả đầu ra và khả năng nhân rộng.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ, kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm khi chậm trễ; kiên quyết phòng, chống lãng phí, tiêu cực trong tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả đầu tư ngay từ khâu phê duyệt chủ trương, danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **a) Mục tiêu đóng góp cho tăng trưởng**

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2026 phấn đấu đạt 35%, bao gồm cả khu vực doanh nghiệp FDI.

- Tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CDS trong GRDP phấn đấu đạt trên 18%

#### **b) Về hoàn thiện cơ chế, chính sách**

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

#### **c) Về chuyển đổi số**

*(1) Chuyển đổi số các cơ quan hành chính nhà nước*

- Về hạ tầng, nền tảng, dữ liệu số

+ Mở rộng phủ sóng 5G đạt 95% dân số.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bố trí trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

+ 100% hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc; Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử đạt 70% tại cấp tỉnh, 70% tại cấp xã.

- Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

+ Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 80%.

+ Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước.

+ 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Về phát triển kỹ năng số trong thực thi công vụ

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số.

+ 50% cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu.

*(2) Kinh tế số*

- 100% TTHC đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp DVC trực tuyến.

*(3) Xã hội số*

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng DVC trực tuyến đạt tối thiểu 95%;

- Triển khai chữ ký số miễn phí cho công dân đủ điều kiện trên ứng dụng VNeID.

d) Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

*(1) Nâng cao hiệu quả quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo*

- 100% nhiệm vụ KH, CN, ĐMST có sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, cập nhật kịp thời, đầy đủ vòng đời nhiệm vụ (*đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu,...*), theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý KH, CN, ĐMST.

(2) *Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo*

- Tăng tối thiểu 30% số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực KH, CN, ĐMST và CDS.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026**

1. Các sở, ban, ngành, địa phương được giao chủ trì thực hiện: (1) Các chỉ tiêu cụ thể tại Kế hoạch này (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*) và (2) các chỉ tiêu tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 14/11/2025; Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 31/12/2025, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện bảo đảm “6 rõ”, gửi Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 31/3/2026** để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (*viết tắt là Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh*)

2. Các sở, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện:

a) Các nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 được giao tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.

b) Các nhiệm vụ, giải pháp được Ban Chỉ đạo Trung ương giao tại Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch này.

c) Cam kết hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh giao.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh**

a) Chủ trì tham mưu, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh tại các phiên họp định kỳ của Ban Chỉ đạo và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan thành lập các đoàn công tác hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của các sở, ban, ngành, địa phương; nhiệm vụ thường xuyên.

c) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu cụ thể được giao tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này, Phụ lục I kèm theo Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 14/11/2025; Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 31/12/2025.

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên cập nhật các nhiệm vụ lên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương (<https://theodoingq.dcs.vn>); đôn đốc việc cập nhật, báo cáo của các sở, ban, ngành, địa phương.

## **2. Công an tỉnh**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06; đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

b) Theo dõi, đôn đốc tiến độ, kết quả thực hiện; gửi báo cáo định kỳ về Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh để phục vụ các Phiên họp định kỳ và đột xuất.

## **3. Sở Nội vụ**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh (*trừ đôn đốc cải cách thủ tục hành chính gắn với Đề án 06*).

b) Theo dõi, đôn đốc tiến độ, kết quả thực hiện; gửi báo cáo định kỳ về Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh để phục vụ các Phiên họp định kỳ và đột xuất.

## **4. Các sở, ban, ngành, địa phương**

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện trước Ban Chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch này; chỉ đạo việc đề xuất, huy động, bố trí nguồn lực theo quy định để bảo đảm thực hiện hiệu quả; thường xuyên đôn đốc, kịp thời xử lý các nhiệm vụ chậm tiến độ, kém hiệu quả hoặc phát sinh vướng mắc.

b) Giao Sở Khoa học và Công nghệ **trước 16h00 ngày 25 hàng tháng**, cập nhật đầy đủ, kịp thời tình hình thực hiện nhiệm vụ lên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương (<https://theodoingq.dcs.vn>).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 về ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026. Căn cứ nhiệm vụ được phân công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức thực hiện, bảo đảm hiệu quả và chất lượng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đại học Thái Nguyên;
- Báo và PT, TH Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Thái), TH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**

**Phụ lục I**  
**CHỈ TIÊU CỤ THỂ GIAO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NĂM 2026**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì thực hiện	Văn bản nguồn
1.	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	%	≥35	Sở Tài chính	(1) Thống nhất với chỉ tiêu tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh uỷ;
2.	Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong GRDP	%	≥18	Sở Khoa học và Công nghệ	(1) Cụ thể chỉ tiêu số 8 “ <i>Tỉ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế</i> ” trong Nghị quyết số 71/NQ-CP (2) Thống nhất với chỉ tiêu tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh uỷ.
3.	Mở rộng phủ sóng 5G	%	≥95	Sở Khoa học và Công nghệ	(1) Cụ thể hóa chỉ tiêu số 23 “ <i>Hạ tầng số</i> ” trong Nghị quyết số 71/NQ-CP; (2) Thống nhất với chỉ tiêu tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh uỷ;
4.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cụ thể hóa chỉ tiêu “ <i>100% cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử</i> ” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương
5.	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cụ thể hóa chỉ tiêu “ <i>100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, cấp tỉnh và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc</i> ” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì thực hiện	Văn bản nguồn
6.	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử			Các sở, ban, ngành, địa phương	Cụ thể hóa chỉ tiêu “100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lõi) <u>trong 4 khối cơ quan</u> của hệ thống chính trị được tái cấu trúc, chuẩn hóa, số hóa và được đưa lên môi trường số” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương
	<i>Cấp tỉnh</i>	%	≥70		
	<i>Cấp xã</i>	%	≥70		
7.	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	%	≥80	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cụ thể hóa chỉ tiêu “Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC do bộ, cơ quan cung cấp (bao gồm các DVC theo mô hình tập trung) đạt tối thiểu 80%” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương
8.	Thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước	%	≥80	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cụ thể hóa chỉ tiêu “Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương
9.	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thống nhất với chỉ tiêu “100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương
10.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cụ thể hóa chỉ tiêu “100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số <u>cơ bản</u> ” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì thực hiện	Văn bản nguồn
11.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyên đổi số của sở, ngành, địa phương được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu	%	≥50	Sở Khoa học và Công nghệ	Cụ thể hóa chỉ tiêu “50% cán bộ <i>chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương</i> được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương
12.	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cụ thể hóa chỉ tiêu “100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, <i>thông suốt, liền mạch</i> ” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương
13.	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến	%	≥95	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cụ thể hóa chỉ tiêu “95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương
14.	Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước	%	≥15	Sở Tài chính	(1) Cụ thể hóa nhiệm vụ số 65 “Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược” Nghị quyết số 71/NQ-CP; (2) Thống nhất với chỉ tiêu “Bố trí ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương
15.	Tỷ lệ nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất với chỉ tiêu “Tỷ lệ nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo được quản lý, theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì thực hiện	Văn bản nguồn
16.	Hình thành và đưa vào vận hành trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	Trung tâm	01	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất với chỉ tiêu tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh uỷ
17.	Tăng số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	%	≥30	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất với chỉ tiêu “ <i>Tăng số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số</i> ” tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ LIÊN NGÀNH BAN CHỈ ĐẠO CỦA UBND TỈNH TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao
<b>I</b>	<b>HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH</b>					
1.	Tập trung rà soát, hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Các sở, ngành	Các sở, ngành: Tư pháp, Công an, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, có hiệu lực thi hành đồng bộ với hiệu lực thi hành của các Luật đã được Quốc hội thông qua và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan	Thời hạn trình theo văn bản giao nhiệm vụ, các chỉ đạo của Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ; thời hạn ban hành, có hiệu lực đồng bộ với Luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan	Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026
<b>II</b>	<b>PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO</b>					
2.	Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện phân bổ dự toán (ngân sách nhà nước năm 2026 lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) của các sở, ngành, địa phương thuộc phạm vi phụ trách	Sở Tài chính; Cơ quan tài chính các cấp	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Tình hình phân bổ dự toán được theo dõi, giám sát thường xuyên	Thường xuyên	Luật Ngân sách nhà nước (Điều 51, Khoản 3 Điều 7)
<b>III</b>	<b>CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA - KIẾN TRÚC, NỀN TẢNG, DỊCH VỤ SỐ</b>					
3.	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Các sở, ngành, địa phương	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Văn phòng	Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ,	Thường xuyên	Đề xuất mới của Bộ Công an

<b>TT</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Thời hạn</b>	<b>Căn cứ giao</b>
	theo quy định		UBND tỉnh	chính xác, kịp thời		
<b>IV</b>	<b>PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU, ĐỊNH DANH, TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06, VÀ VNEID</b>					
4.	Ban hành bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh	Bộ trường thông tin được ban hành	Quý II/2026	Nhiệm vụ giao các bộ, ngành, địa phương tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 và Thông báo số 43/TB-VPCP ngày 26/01/2026
5.	Khẩn trương đăng ký, xây dựng lộ trình và phương án chuyển dịch hạ tầng về Trung tâm dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Hoàn thành đăng ký hạ tầng sử dụng tại Trung tâm dữ liệu quốc gia	Quý I/2026	Thông báo số 43/TB-VPCP ngày 26/01/2026
6.	Ban hành kiến trúc dữ liệu tỉnh bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ	Kiến trúc dữ liệu được ban hành	Quý I/2026	Thông báo số 43/TB-VPCP ngày 26/01/2026
<b>V</b>	<b>ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG, PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC, KỸ NĂNG SỐ</b>					
7.	Xây dựng phương án bố trí kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng “Bình dân học vụ số”, kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Phương án được trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt;	30/6/2026	Bộ Công an đề xuất nhiệm vụ, căn cứ giao tại Kế hoạch số 01 - KH/BCĐTW ngày 21/3/2025;

<b>TT</b>	<b>Tên nhiệm vụ</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Thời hạn</b>	<b>Căn cứ giao</b>
	hình chợ số - nông thôn số, kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06			Triển khai hiệu quả nền tảng Bình dân học vụ số		Bộ Tài chính đã thống nhất.
<b>VI</b>	<b>TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, TẠO ĐỒNG THUẬN XÃ HỘI</b>					
8.	Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, chủ trương phát triển KHCN, ĐMST, CDS và phong trào "Bình dân học vụ số", các “mô hình thành công điển hình” trên các kênh sóng và nền tảng số quốc gia	Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh; Trung tâm Thông tin tỉnh	Cơ quan, đơn vị liên quan	Các chương trình, chuyên mục, phóng sự, tin bài	Thường xuyên	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỐ 02-CTR/BCĐTW**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
1	Khẩn trương triển khai thực chất, có hiệu quả Chương trình Chính phủ số (tại Kế hoạch 206/KH-UBND ngày 31/12/2025 kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 06/02/2026 Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030) và thực hiện chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, góp phần tăng trưởng ở mức 2 con số, có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các cơ quan có liên quan	Các hoạt động chuyển đổi số thực chất được ưu tiên triển khai đối với chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao	Thường xuyên	Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương
2	Nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển (theo hướng dẫn của Trung ương và nhu cầu thực tiễn của địa phương)	Các sở, ban, ngành	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp có liên quan	Chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển được ban hành; Ưu tiên sử dụng trong mua sắm công, tiến tới dần thay thế nhập khẩu, đặc biệt đối với các lĩnh vực đòi hỏi an toàn, bảo mật thông tin (ví dụ: với camera AI trong các dự án công...)	Quý II/2026	Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương